

CTCP Tập đoàn Danh Khôi (HNX: NRC)

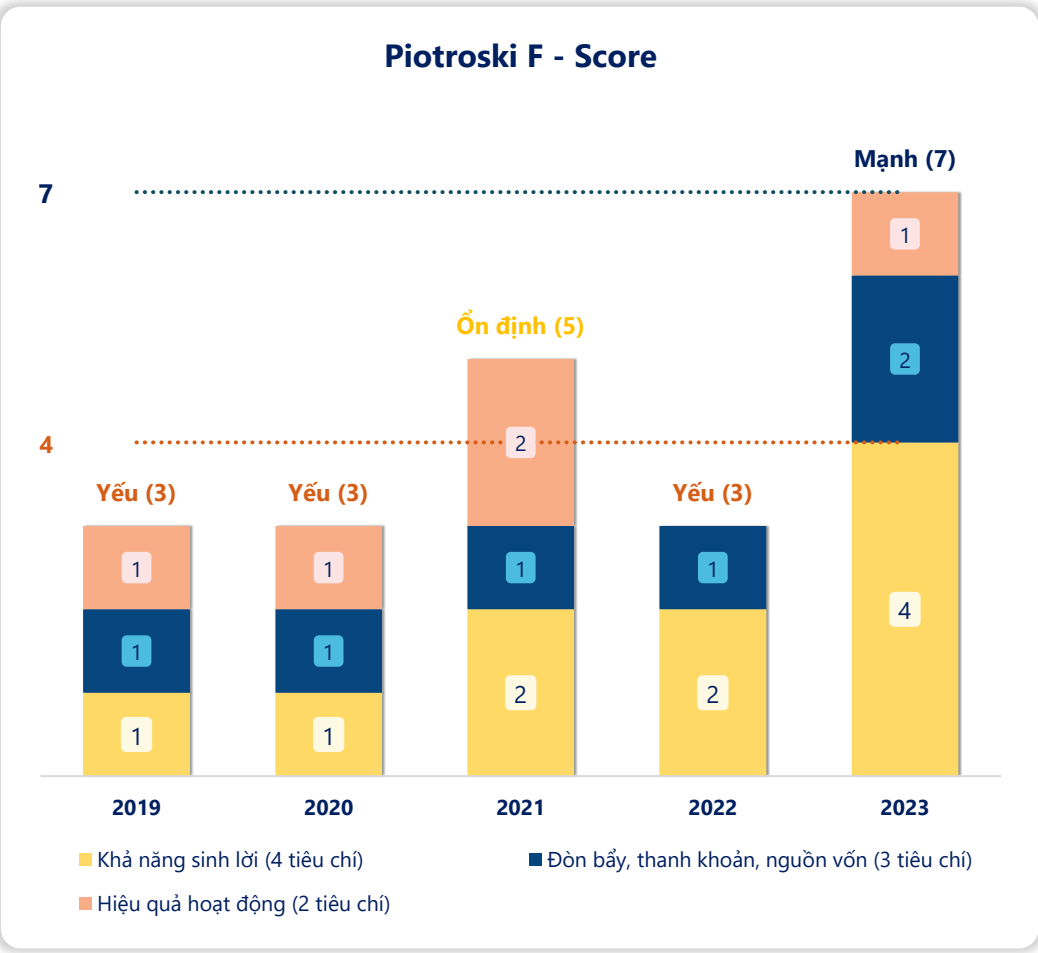
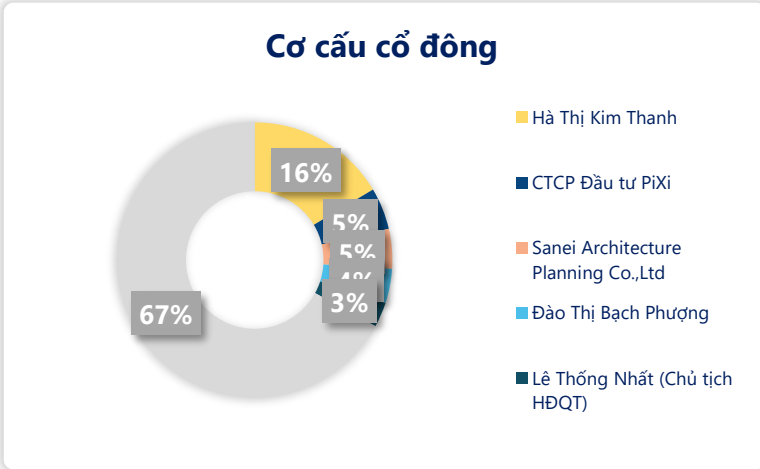
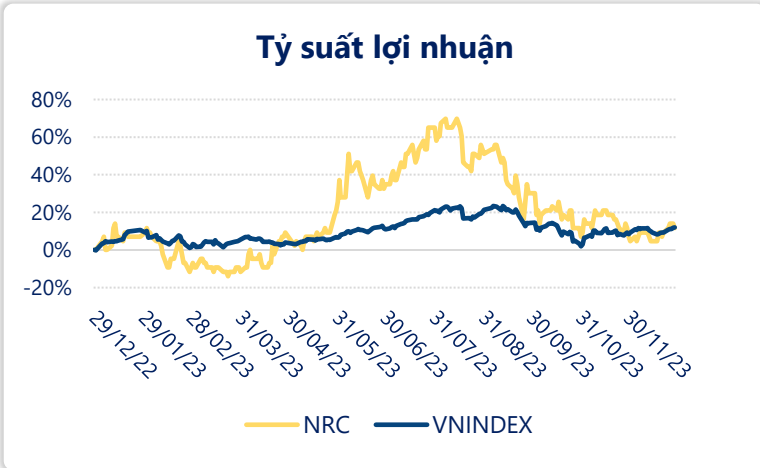
Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	4,800 VNĐ		
29/12/2023			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	4.3%	-2.0%	-18.6%

Sức mạnh tài chính	7/9
Piotroski F - Score	(Mạnh)
2023	

DT thuần	2023	YoY
	4.63	▼ 189
	tỷ VNĐ	▼ 97.6%

LN sau thuế	2023	YoY
	11.9	▲ 84.7
	tỷ VNĐ	▲ 116%

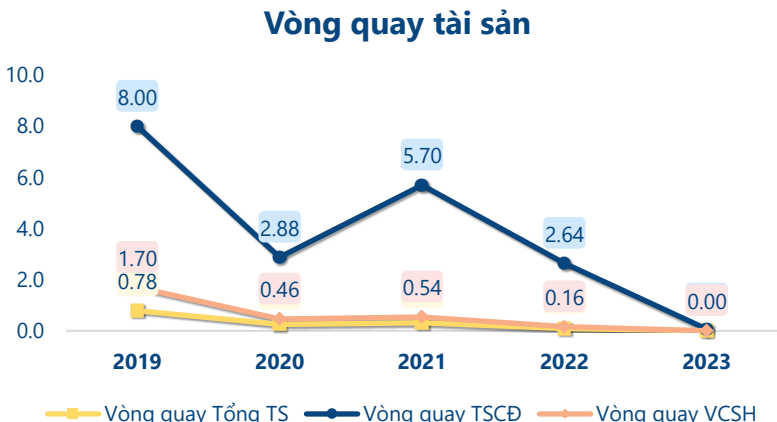
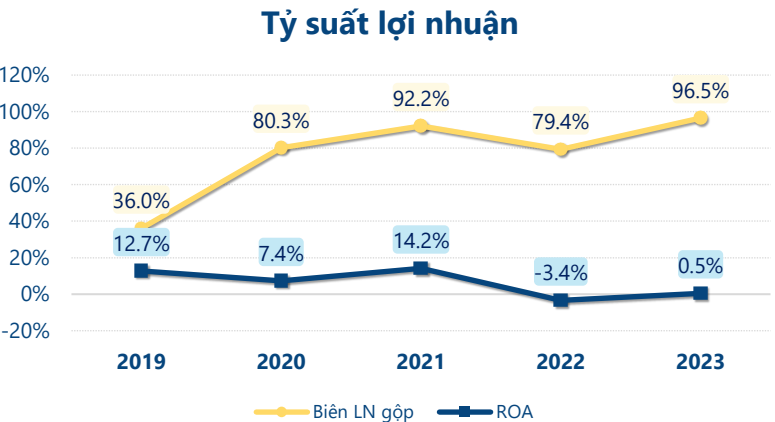
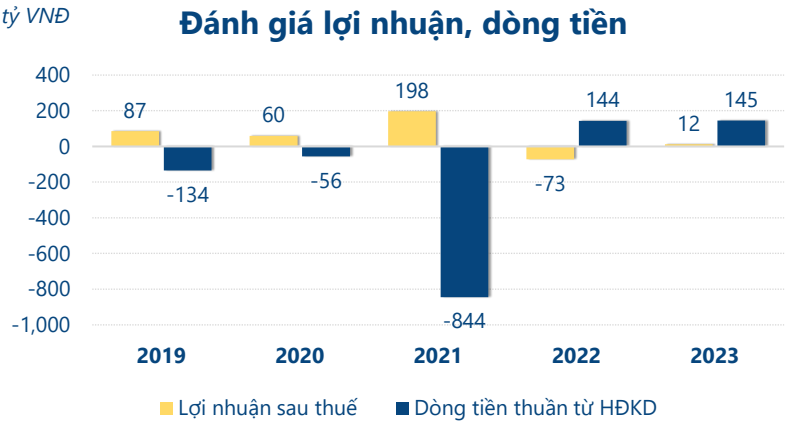


Năm 2023, F-Score của NRC đạt 7/9 cao hơn năm trước và sức khỏe tài chính được đánh giá tốt hơn, đạt mức "mạnh".

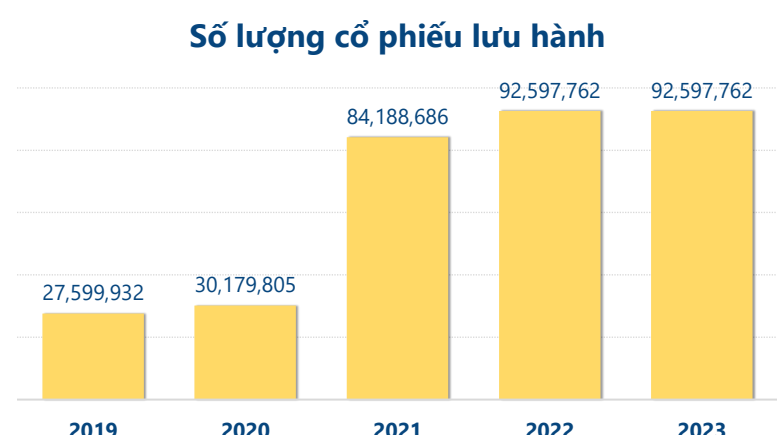
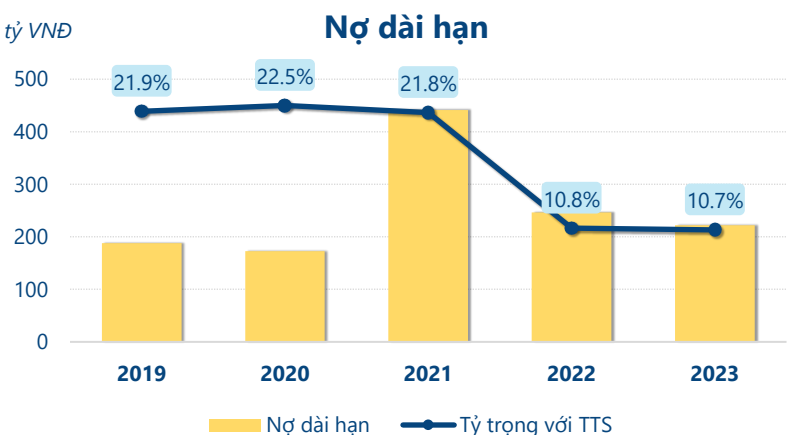
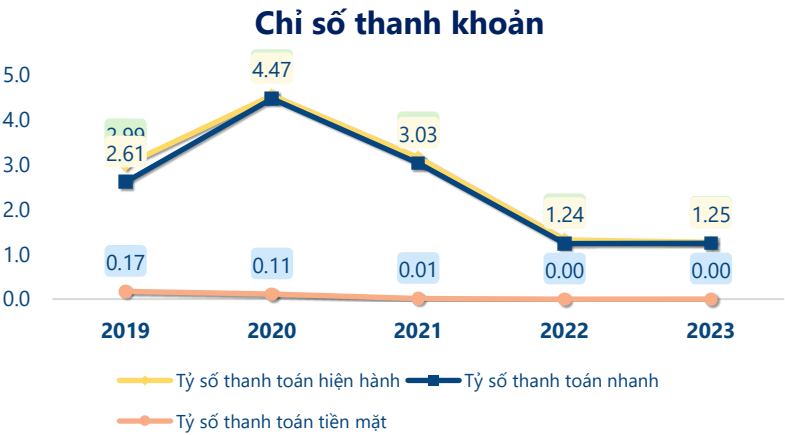
Trong đó, khả năng sinh lời được cải thiện tăng lên 4/4 điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn có cải thiện đạt điểm 2/3. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, đạt 1/2 điểm cải thiện tốt hơn so với năm trước.

Với điểm số F-Score cao cho thấy tình hình kinh doanh ổn định và hiệu quả trong quản lý tài sản và có sự ổn định tài chính trong dài hạn. Tuy nhiên vẫn cần phải xem xét các yếu tố về tài chính và chiến lược của công ty.

CTCP Tập đoàn Danh Khôi (HNX: NRC)



Xét các tiêu chí thành phần của F-Score năm 2023 của NRC: Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh lớn hơn lợi nhuận sau thuế và 2 chỉ tiêu này đều dương là một tín hiệu tích cực cho thấy công ty có chất lượng lợi nhuận tốt và duy trì hoạt động kinh doanh một cách bền vững. Sự tăng trưởng của ROA phản ánh công ty đang tạo ra lợi nhuận tốt hơn từ mỗi đơn vị tài sản sử dụng. Việc giảm tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản thường phản ánh việc doanh nghiệp giảm bớt mức độ phụ thuộc vào nguồn vốn vay dài hạn. Sự suy giảm của tỷ số thanh toán hiện hành có thể gây lo ngại về khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn, tuy nhiên cũng cần phân tích kỹ hơn để hiểu rõ nguyên nhân của sự suy giảm này. Không phát hành thêm cổ phiếu trong kỳ cho thấy sự ổn định trong quy mô vốn cổ phần, giúp duy trì tính hấp dẫn và niềm tin nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	2,083	2,277	-8.5%
Tài sản ngắn hạn	808	989	-18.3%
Tiền và tương đương tiền	0.90	1.33	-32.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	794	915	-13.2%
Hàng tồn kho	11.6	61.1	-81.1%
Tài sản ngắn hạn khác	1.63	11.4	-85.7%
Tài sản dài hạn	1,275	1,288	-1.0%
Phải thu dài hạn	931	935	-0.4%
Tài sản cố định	68.1	69.3	-1.8%
Bất động sản đầu tư	66.2	66.2	0.0%
Tài sản dở dang	108	108	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	102	101	1.4%
Tài sản dài hạn khác	0.14	9.64	-98.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	789	995	-20.7%
Nợ ngắn hạn	567	748	-24.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	351	514	-31.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	6.71	11.1	-39.8%
Nợ dài hạn	222	246	-9.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	48.5	68.0	-28.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,294	1,282	1.0%
Vốn chủ sở hữu	1,294	1,282	1.0%
Vốn điều lệ	926	882	5.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	533	207	444	194	4.63
Giá vốn hàng bán	341	40.9	34.7	40.1	0.16
Lợi nhuận gộp	192	166	409	154	4.47
Doanh thu HĐTC	4.82	0.47	0.02	25.6	0.00
Chi phí TC	5.92	4.90	10.4	64.1	55.2
Chi phí lãi vay	5.24	4.90	10.2	60.3	51.8
LN trong công ty LKLD	0	0	0	1.00	1.38
Chi phí bán hàng	44.0	57.6	73.4	15.1	0
Chi phí QLDN	42.6	57.4	84.4	161	-9.92
LN thuần từ HĐKD	104	46.8	241	-59.6	-39.5
Lợi nhuận khác	9.63	23.3	18.0	-8.34	79.2
LN trước thuế	114	70.2	259	-67.9	39.7
Lợi nhuận sau thuế	90.3	59.8	195	-72.8	11.9
LNST của CĐ cty mẹ	86.6	59.7	198	-72.5	11.9

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-134	-55.6	-844	144	145
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-54.4	82.7	-66.6	-294	43.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	206	-56.2	903	146	-189
Tiền đầu kỳ	24.9	42.5	13.5	5.74	1.33
Lưu chuyển tiền thuần	17.6	-29.1	-7.72	-4.41	-0.43
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	42.5	13.5	5.74	1.33	0.90